TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HC-PT
Ngày: 07 - 8 - 2025
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: bà Võ Thị Ngọc Dung
ông Phùng Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: ông Nguyễn Minh Nhật - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 184/2025/TLPT-HC ngày 12/5/2025 V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 19-3-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 278/2025/QĐ-PT ngày 18/7/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Trần Văn G, sinh năm 1954 và bà Trần Thị T, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn L, phường B, tỉnh Đắk Lắk), ông G có mặt, bà T có Đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Minh T1, Công ty L; địa chỉ: C N, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk), có Đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk), có Đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Trần Văn G, bà Trần Thị T,

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo nội dung Đơn khởi kiện và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người khởi kiện như sau:

Năm 1982 ông Trần Văn G kết hôn với bà Trần Thị T, vợ chồng ông tiến hành khai hoang đất rừng hoang hóa tại xã A, huyện T, tỉnh Phú Khánh (nay là xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên) để canh tác. Khi đó, chính quyền địa phương không có bất kỳ ý kiến phản đối hay quyết định quản lý nào đối với diện tích đất này. Trong quá trình sử dụng đất, ông Trần Văn G luôn tuân thủ chính sách của Nhà nước về khuyến khích khai hoang, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, phù hợp với các quy định của Luật Đất đai năm 1987, năm 1993, năm 2003 và năm 2013. Việc sử dụng đất của ông đã diễn ra liên tục, ổn định từ năm 1982 đến nay.

Từ năm 2018 đến năm 2023, Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến đất của ông. Trong đó, có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND thành phố T. Tuy nhiên, các quyết định này sau đó đã bị chủ thể có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi.

Ngày 11/10/2024, Chủ tịch UBND thành phố T tiếp tục ban hành Quyết định số 05/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, xác định ông Trần Văn G đã có 03 hành vi vi phạm hành chính (cụ thể: chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn; chiếm đất nông nghiệp là đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn; chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn) và buộc ông Trần Văn G khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm.

Quyết định số 05/QĐ-KPHQ ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T là không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước xem xét công nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, Điều 139 Luật Đất đai năm 2024 quy định trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi

phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì có thể được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Ông Trần Văn G đã khai hoang, sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 1982 đến nay, tức hơn 40 năm, phù hợp với chính sách khuyến khích khai hoang mở rộng đất sản xuất của Nhà nước. Trong suốt thời gian dài, trước khi xã A sáp nhập vào thành phố T, không có cơ quan Nhà nước nào có ý kiến phản đối hay có quyết định quản lý khác đối với diện tích đất này.

Ông Trần Văn G, bà Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết: hủy Quyết định số 05/QĐ-KPHQ ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T không tham gia trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến:

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T là ông Nguyễn Xuân Đ thống nhất nội dung ý kiến của UBND xã A. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T.

3. Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã A, thành phố T trình bày:

Ngày 24/5/2002, UBND xã A có Thông báo số 17/TB-UB về việc giải tỏa mồ mã, cây trồng ở khu G, xã A để xây dựng các công trình công cộng phúc lợi của địa phương theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã đã thông qua như Trường C1, Sân vận động, Chợ trung tâm, B.

Ngày 14/3/2003, UBND xã A có Tờ trình số 06/TTr-UB về V/v xin chủ trương cho phép giải tỏa mồ mã, cây trồng, vật kiến trúc trên Gò Xuân D1. Ngày 27/3/2003, Phòng Địa chính huyện T thẩm định hồ sơ đất đai trong biên bản nội dung thể hiện: hiện trạng khu đất đa số là mồ mã, cây cối, nhà ở hợp pháp và bất hợp pháp diện tích 47.000m^2.

Ngày 27/3/2003, UBND xã A ban hành Thông báo số 04/TB-UB V/v phân công, công tác BCĐ giải tỏa mặt bằng khu gò mã Xuân Dục. Tháng 09/2003, UBND xã A đã tiến hành triển khai thực hiện kiểm đếm cây cối, tài sản trên đất để bồi thường và hỗ trợ thực hiện các hạng mục như đã nêu trên. Hộ ông Trần Văn G đã thống nhất ký vào Biên bản kiểm kê diện tích đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng phải thu hồi, tháo dỡ, giải tỏa để giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình tại xã A, ông Trần Văn G đã ký nhận tiền bồi thường tài sản, cây cối hoa màu có trên đất, vị trí đất thuộc thửa số 736, tờ bản đồ số 3 đo đạc năm 1992 với tổng diện tích 101250m^2, loại đất N*(nghĩa địa). Tuy nhiên, hạng mục sân vận động chưa thực hiện đến vị trí đất này đã được kiểm đếm bồi thường cây cối và di dời mồ mả. Đến ngày 25/10/2004, ông Trần Văn G tự ý

xây dựng móng nhà bằng đá chẻ diện tích 11,2m^2, cao cách mặt đất 0,2m, xung quanh tập kết một số vật liệu xây dựng trên đất, UBND xã đã đề nghị ông G đình chỉ thi công kể từ khi lập Biên bản hiện trường, nhưng ông Trần Văn G cố tình vi phạm tiếp tục xây dựng. Đến ngày 26/10/2004, UBND xã A lập Biên bản xác minh hiện trường lần 2 ông G đã xây xong tường gạch, mái lợp tôn, chưa tô, nền đất, nhà cao 2m. Đến ngày 12/11/2004, UBND xã A ban hành Thông báo số 33/TB-UB V/v tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà xây dựng trái phép của hộ Trần Văn G nhưng chưa tháo dỡ, bỏ hoang nhiều năm, không có mái.

Căn cứ hồ sơ địa chính tại UBND xã A quản lý, theo số liệu đo đạc năm 1992 thì vị trí thực hiện công trình thuộc 1 phần thửa đất số 736, tờ bản đồ số 3, diện tích 101250m^2, loại đất Nghĩa địa, do UBND xã quản lý. Đến năm 1997 đo đạc lại bản đồ thì vị trí công trình thuộc các thửa đất số 121,143,144, 213 và thửa đất giao thông không có số hiệu thửa, thuộc tờ bản đồ số 8 thể hiện chủ sử dụng đất: Nghĩa địa, Đất Bạch đàn; loại đất: Nghĩa địa, rừng trồng sản xuất (RTS) và đất giao thông đối tượng UBND xã quản lý.

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã A, thành phố T. Để nâng cao tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa của địa phương đúng theo chương trình đề ra. Năm 2017, UBND xã A đăng ký nội dung, danh mục đầu tư sân bóng đá mini (giai đoạn 1&2) xã A. Ngày 14/9/2017, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 1798/QĐ-U phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các dự án khởi công mới thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017 trên địa bàn thành phố T. Trong đó có dự án Sân bóng đá M (giai đoạn 1&2) xã A, thành phố T được đầu tư trong 02 năm 2017 - 2018 do UBND xã A làm Chủ đầu tư.

Ngày 11/05/2018, Chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành lập Biên bản bàn giao tim mốc thi công công trình; từ ngày 11/05 đến ngày 29/05 đơn vị thi công (Công ty TNHH X) tập kết máy móc, thiết bị và nhân công thực hiện việc phát hoang, dọn cỏ, đổ đất san phẳng mặt bằng, xây lán trại để thi công thì ông Trần Văn G ra vị trí đất đang thực hiện xây dựng công trình sân bóng đá mi ni ngăn cản không cho thi công, đồng thời sửa chữa lại nhà cũ. UBND xã A đã lập Biên bản vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (đất Nghĩa địa) để trồng dừa với diện tích 400m^2 trong đó có 01 nhà xây gạch cũ xây dựng năm 2004 tường cao 2,2m không có mái, ông Trần Văn G tiếp tục xây cao thêm 0,6m và lợp mái bằng tôn. UBND xã A ban hành Quyết định xử phạt hành chính, Quyết định cưỡng chế áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, UBND xã đã chuyển giao cho hộ ông Trần Văn G để chấp hành nhưng hộ ông không chấp hành mà vẫn tiếp xây dựng cơi nới thêm nhà, rào bao chiếm và trồng cây mở rộng thêm.

Do đó, UBND xã A tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính đối với việc ông Trần Văn G tiếp tục chiếm đất và trình UBND thành phố xử lý theo quy định.

4. Người làm chứng ông Trần N trình bày:

Năm 1982, ông Trần Văn G và vợ là bà Trần Thị T cùng nhau tăng gia, khai hoang diện tích thửa đất tại thôn X, xã A, thành phố T mà hiện nay ông, bà đang khởi kiện. Ông N biết được việc ông G khai hoang đất là thửa đất ông G đang khởi kiện có giới cận liền kề với thửa đất ông N đang sử dụng.

5. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ả trình bày:

Nhà bà Nguyễn Thị Ả hiện ở tại thửa đất cách thửa đất ông Trần Văn G và bà Trần Thị T đang khởi kiện khoảng 100m. Bà Nguyễn Thị Ả ở đây từ trước năm 1975 đến nay nên chứng kiến toàn bộ quá trình vợ chồng ông Trần Văn G khai hoang, quản lý, sử dụng đất. Khoảng năm 1980, Nhà nước phát động tăng gia sản xuất. Thời điểm này, ông Trần Văn G đi nghĩa vụ quân sự về, cưới vợ và đến tại diện tích đất đang khởi kiện để thực hiện tăng gia sản xuất, khai hoang đất theo chủ trương của Nhà nước. Sau đó, vợ chồng ông Trần Văn G dựng một lán trại nhỏ để ở và trồng khoai, mì, rau (chủ yếu là các loại rau màu ngắn ngày), dừa, đào. Hiện nay, trên đất, vợ chồng ông Trần Văn G đang trồng đào, dừa, bầu, bí, dưa leo, bà Nguyễn Thị Ả thường xuyên xin rau, quả để ăn.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 19-3-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 của Luật Tố tụng Hành chính. Khoản 2 Điều 38; Điều 54 và Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Điểm a khoản 1, điểm b khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn G, bà Trần Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 05/QĐ-KPHQ ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 936/2024/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên được hủy bỏ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/4/2025, ông Trần Văn G, bà Trần Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Ông G sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương đã khai hoang diện tích đất để sinh sống, ông sử dụng liên tục từ 1982 đến nay. Ông đã nhiều lần liên hệ chính quyền địa phương để xin cấp GCNQSDĐ, nhưng không được chấp nhận, trong khi có người sử dụng được cấp GCNQSDĐ. Chúng tôi thừa nhận cùng mảnh đất có nhiều bản án đã xét xử bác Đơn khởi kiện, tuy nhiên trường hợp của ông G là đặc biệt, do đó trường hợp của ông G là đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận Đơn khởi kiện.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: diện tích đất ông G sử dụng được xác định là đất do UBND xã quản lý. Khi ông G xây dựng móng nhà bị chính quyền địa phương lập Biên bản vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cưỡng chế khắc phục hậu quả là đúng pháp luật. Việc ông chưa được chính quyền địa phương cấp đất sau khi đi nghĩa vụ quân sự về thì ông phải làm Đơn yêu cầu xin cấp. Bản án sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn G, bà Trần Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 01/4/2025, ông Trần Văn G, bà Trần Thị T kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 19-3-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk). Như vậy, kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 21/10/2024, ông Trần Văn G gửi Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết: hủy Quyết định số 05/QĐ-KPHQ ngày 11/10/2024

của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai tại UBND xã A (Bản đồ địa chính, Sổ mục kê) thấy rằng:

Theo số liệu đo đạc năm 1992, vị trí đất ông Trần Văn G đã được bồi thường cây trồng trên đất từ năm 2003 và công trình, cây trồng ông G tiếp tục vi phạm bị UBND xã A lập Biên bản vi phạm, Bên bản xác minh thuộc 1 phần thửa đất số 736, tờ bản đồ số 3, diện tích 101.250m², loại đất - Nghĩa địa, do UBND xã quản lý;

Theo bản đồ đo đạc lại năm 1997 thì vị trí công trình, cây trồng trên đất ông G, bà T khởi kiện có diện tích 3.295,2m^2 đất tại thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Theo bản trích đo hiện trạng thửa đất theo yêu cầu được Công ty TNHH T2 đo đạc ngày 24/10/2024) thuộc các thửa đất số 121 (diện tích 132,1m^2), thửa số 143 (diện tích 235,5m^2), thửa số 144 (diện tích 2.559,2m^2), thửa số 213 (diện tích 311,5m^2) và thửa đất giao thông không có số hiệu (diện tích 135,3m^2), tờ bản đồ số 8, thể hiện chủ sử dụng đất - Nghĩa địa, Đất Bạch đàn; loại đất: Nghĩa địa, rừng trồng sản xuất (RTS) và đất giao thông, do UBND xã quản lý.

[2.3] Theo Biên bản kiểm kê ngày 12/9/2003 của Hội đồng đền bù UBND xã A tiến hành kiểm kê trên diện tích 2.280m^2 đất mà ông Trần Văn G trồng cây có: 1.512 cây Bạch đàn, 61 cây điều có trái, 09 cây mãng cầu và 01 cái giếng bọng đất (Biên bản kiểm kê này đã được ông Trần Văn G ký xác nhận). Ngày 04/10/2003, ông Trần Văn G đã ký nhận tiền bồi thường tài sản cây cối hoa màu có trên đất, vị trí thuộc thửa đất số 736, tờ bản đồ số 3 đo đạc năm 1992 với tổng diện tích 101250m², loại đất N*(Nghĩa địa). Mặc dù, hộ ông Trần Văn G đã nhận tiền bồi thường về tài sản trên đất do Nhà nước quản lý nhưng vợ chồng ông G, bà T vẫn tiếp tục trồng cây dừa, mãng cầu, keo, xây dựng, sửa chữa, tôn tạo và cơi nới nhà xây dựng năm 2004 và xây dựng thêm các công trình trên đất (giếng khoan, giếng đào, nhà tắm, nhà vệ sinh).

[2.4] Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 37/BB-VPHC lập ngày 13/8/2018 của UBND xã A xác định hành vi vi phạm hành chính của ông Trần Văn G là *"chiếm đất nông nghiệp không phải đất ở để trồng dừa và nhà tạm (3 x 3,4), cụ thể: Trồng 30 cây dừa trên diện tích 20m x 20m = 400m^2 và nhà tạm cũ sửa chữa lại tường gạch, mái tôn, nền ximen, chưa tô. Trong đó, nhà cũ đã xây từ năm 2004 tường cao 2,2m, xây thêm 0,6m và lợp tôn mới"*.

Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 05/BB-VPHC lập ngày 28/02/2020 của UBND xã A xác định hành vi vi phạm hành chính của ông Trần

Văn G là *"chiếm đất phi nông nghiệp xây dựng nhà với kích thước (3,65 x 9,75) + (3 x 6,75) = 55,8m^2, móng đá chẻ, tường gạch 2,8m, đã tô, nền xi măng, mái lợp tôn, trồng 300 cây keo lá tràm, 85 cây dừa, 71 cây mãng cầu, trồng 45 trụ bê tông làm hàng rào, trụ cao 1,5m, rào kéo dây thép gai, trong đó có 19m dài lưới B40 trên diện tích rào 2.600m^2 (đo diện tích bằng thước dây)"*. Vì quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, căn cứ vào hành vi vi phạm hành chính tại Biên bản vi phạm hành chính nêu trên và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 04/BB-XM lập ngày 10/7/2024 và số 01/BB-XM lập ngày 02/8/2024 để làm rõ tình tiết liên quan đến hành vi vi phạm của ông Trần Văn G, làm cơ sở xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 11/10/2024 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định buộc khắc phục hậu quả số 05/QĐ-KPHQ, nội dung: *"...Ông Trần Văn G đã có 03 hành vi vi phạm khác nhau (chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn; chiếm đất nông nghiệp là đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn; chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn) đã gây khó khăn, ảnh hưởng đến công tác quản lý Nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng đất đai tại địa phương. Hiện trạng: Đã xây dựng nhà ở với diện tích 81,3m^2; đã xây dựng nhà tạm với diện tích 25,5m^2; dựng 45 trụ bê tông để kéo hàng rào kẽm gai; trồng các loại cây (cây dừa, cây keo lá tràm, cây mãng cầu). Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm"*.

Ông Trần Văn G không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất; không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Hiện trạng thửa đất có một số ngôi mộ nhưng ông G, bà T không biết thân nhân của các ngôi mộ này là ai.

[2.5] Quá trình xử lý vi phạm đối với ông Trần Văn G có sai sót, đó là Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 37/BB-VPHC ngày 13/8/2018 của UBND xã A lập thể hiện ông G không chịu ký vào biên bản, có 01 người làm chứng ký xác nhận nhưng không có chữ ký xác nhận của chính quyền địa phương là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Nhưng Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 05/BB-VPHC lập ngày 28/02/2020 của UBND xã A được lập đúng quy định pháp luật và được xác minh làm rõ tại Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 04/BB-XM lập ngày 10/7/2024 và số 01/BB-XM lập ngày 02/8/2024. Đối với Quyết định số 05/QĐ-KPHQ ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả không ghi cụ thể diện tích đất lấn chiếm trên từng thửa đất vi phạm. Tuy nhiên, theo hồ sơ quản lý về đất đai tại địa phương thì diện tích đất ông Trần Văn G khởi kiện được thể hiện là đất Nghĩa địa do UBND xã A quản lý, quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của

Chủ tịch UBND thành phố T không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Trần Văn G, bà Trần Thị T.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Văn G, bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trần Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 của Luật Tố tụng Hành chính. Khoản 2 Điều 38; Điều 54 và Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Điểm a khoản 1, điểm b khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn G, bà Trần Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 05/QĐ-KPHQ ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 936/2024/QĐ-BPKCTT ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên được hủy bỏ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Văn G, bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thị Ngọc Dung **Phùng Anh Dũng** **Trần Quốc Cường**